TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1X** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 4x/2025/DS-ST
Ngày 25/9/2025.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 1X, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Quốc H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng V;

2. Ông Thông Minh T.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị H – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ tham gia phiên toà: Bà Cao Thị N – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ, Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54x/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4x/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 2x/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1981.
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Đ (thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cũ). (có mặt)
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn S, xã S, tỉnh Đ (thôn S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận cũ). (có mặt)
Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1989.
Nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Đ (thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận cũ). (vắng mặt)
Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1992.
Nơi cư trú: Khu phố B, phường B, tỉnh Đ (khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cũ). (vắng mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Thùy D1, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Đ (thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cũ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Duy V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Do có quan hệ họ hàng với ông Nguyễn Thanh D, trong năm 2022 ông Nguyễn Thanh D cùng với vợ là bà Trần Thị Thanh T1 có mượn của ông Nguyễn Duy V 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cầm cố cho ông T2 vay số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng. Tuy nhiên, ông T2 yêu cầu phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay. Vì vậy, ông D, bà T1 nhờ ông V và vợ là bà Bùi Thị Thùy D1 ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T2 và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tấn G, ông T2 chuyển khoản số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng cho ông D1, bà T1. Ông D1, bà T1 hẹn thời hạn 03 tháng sẽ trả tiền cho ông T2 và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho ông V. Tuy nhiên, khi đến hạn ông D1, bà T1 không trả tiền cho ông T2 nên không lấy trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V như đã cam kết, vì vậy hai bên thỏa thuận chuyển thành hợp đồng vay tiền. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền và được công chứng tại văn phòng C (địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Theo đó, trong hợp đồng thể hiện nội dung ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Thanh T1 vay ông Nguyễn Duy V và bà Bùi Thị Thùy D1 số tiền là 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 23/8/2022. Tuy nhiên, đến hạn thỏa thuận ông D1, bà T1 không trả tiền cho ông V theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Sau nhiều lần yêu cầu ông D1, bà T1 trả tiền, ngày 14/5/2023 ông D1, bà T1 viết giấy cam kết sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V trong thời hạn từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2023, để đảm bảo mỗi tháng ông D1, bà T1 đưa ông V 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, khi nào ông D1, bà T1 trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho V sẽ hoàn trả lại số tiền ông D1, bà T1 đã đưa. Tuy nhiên đến nay, ông D1, bà T1 chưa trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, cũng chưa đưa cho ông V khoản tiền gốc nào. Về tiền lãi, ông D1 bà T1 có trả cho ông V được khoảng 06 lần với tổng số tiền lãi mà ông D1, bà T1 đã trả là 30.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Thanh T1 liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy V và bà Bùi Thị Thùy D1 số tiền là 2.069.600.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng *(Một tỷ ba trăm triệu đồng)* và số tiền nợ lãi là 739.600.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) – đây là số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 23/8/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 37 tháng 02 ngày (làm tròn 37 tháng) với số tiền lãi là 769.600.000 đồng (B trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), trong quá trình thực hiện, ông D1 và bà T1 đã trả cho ông V, bà D1 số tiền lãi là 30.000.000 đồng; vì vậy, số tiền lãi còn lại ông D1 và bà

T1 phải trả tính đến ngày 25/9/2025 là 739.600.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2025 bị đơn là ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Do có quan hệ họ hàng, ngày 23/8/2022, ông và vợ là bà Trần Thị Thanh T1 có ký kết với ông Nguyễn Duy V, bà Bùi Thị Thùy D1 "hợp đồng vay tiền" được công chứng tại văn phòng C. Theo thỏa thuận, vợ chồng ông vay của ông V, bà D1 số tiền 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng, lãi suất là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 23/8/2022. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông chưa trả cho ông V, bà D1 khoản tiền nào.

Nay ông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý trả cho ông Nguyễn Duy V, bà Bùi Thị Thùy D1 số tiền còn nợ là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và đề nghị ông V, bà D1 miễn tiền lãi cho vợ chồng ông vì việc kinh doanh, làm ăn của gia đình ông gặp khó khăn.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Thùy D1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy V là vợ chồng hợp pháp, năm 2022 bà và ông V có cho vợ chồng ông D1, bà T1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cầm cố bảo đảm cho khoản vay của ông D1, bà T1. Tuy nhiên khi đến hạn, ông D1, bà T1 không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà theo như cam kết. Ngày 23/8/2022, vợ chồng bà cùng với ông D1, bà T1 thống nhất thỏa thuận ông D1, bà T1 nợ của vợ chồng bà số tiền 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng. Khi xác nhận hai bên có lập hợp đồng vay tiền và được công chứng tại văn phòng C (địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Theo đó, các bên thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 23/8/2022. Tuy nhiên, đến hạn thỏa thuận ông D1, bà T1 không trả tiền cho vợ chồng bà theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Sau nhiều lần yêu cầu ông D1, bà T1 trả tiền, ngày 14/5/2023 ông D1, bà T1 viết giấy cam kết sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2023, để đảm bảo mỗi tháng ông D1, bà T1 đưa ông V 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, khi nào ông D1, bà T1 trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V sẽ hoàn trả lại số tiền ông D1, bà T1 đã đưa. Tuy nhiên đến nay, ông D1, bà T1 chưa trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà, cũng chưa đưa cho vợ chồng bà khoản tiền gốc nào. Về tiền lãi, ông D1 bà T1 có trả cho được khoảng 06 lần với tổng số tiền lãi đã trả là 30.000.000 đồng.

Nay bà thống nhất với ý kiến yêu cầu của ông Nguyễn Duy V, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh D và vợ là bà Trần Thị Thanh T1 liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy V và vợ là bà Bùi Thị Thùy D1 số tiền 1.300.000.000 đồng *(Một tỷ ba trăm triệu đồng)* và tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 23/8/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn là bà Trần Thị Thanh T1 đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc nội dung vụ án: Qua lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Thanh T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Duy V và bà Bùi Thị Thùy D1 số tiền 2.069.600.000 đồng (trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ là 739.600.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Ông Nguyễn Duy V nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án, hình thức và nội dung đơn phù hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Duy V yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp vay tài sản với ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Thanh T1. Người bị kiện là ông Nguyễn Thanh D có địa chỉ cư trú ở xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Đ). Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam thụ lý và Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trả tiền: Nguyên đơn là ông Nguyễn Duy V yêu cầu ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Thanh T1 phải trả cho ông (V) và vợ là bà Bùi Thị Thùy D1 số tiền là 1.300.000.000 đồng. Bị đơn là ông Nguyễn Thanh D cũng thừa nhận hiện còn nợ ông 1.300.000.000 đồng theo nội dung "Hợp đồng vay tiền"đề ngày 23/8/2022 mà ông Nguyễn Duy V cung cấp cho Tòa có chữ ký, chữ viết họ tên của ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Thanh T1 (được công chứng tại Văn phòng C. Do vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Thanh T1 phải trả khoản nợ gốc nói trên cho ông Nguyễn Duy V, bà Bùi Thị Thùy D1 là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Ông Nguyễn Duy V yêu cầu ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Thanh T1 phải trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm; đồng thời, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Thanh T1 tiếp tục trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc. Bị đơn là ông Nguyễn Thanh D đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên do điều kiện đang khó khăn nên ông D xin được miễn khoản tiền lãi. HĐXX nhận thấy: Theo "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 23/8/2022, thể hiện khi xác lập hợp đồng các bên có thỏa thuận mức lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp với các quy định của pháp luật. Ông V cho rằng bị đơn có trả tiền lãi cho ông nhưng không đầy đủ với tổng số tiền lãi đã trả là 30.000.000 đồng. Khi lập hợp đồng các bên có thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/11/2022. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bị đơn không trả nợ theo như thỏa thuận. Xét yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 23/8/2022 là phù hợp theo quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về quyền và nghĩa vụ liên đới: Theo "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 23/8/2022 được công chứng tại văn phòng C, thể hiện ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Thanh T1 (là vợ chồng) đã xác lập hợp đồng vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Duy V và bà Bùi Thị Thùy D1; Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 288, 289 của Bộ luật dân sự năm 2015, các bị đơn là ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả các khoản tiền còn nợ cho bên có quyền liên đới là ông Nguyễn Duy V và bà Bùi Thị Thùy D1.

[6] Từ những nhận định nói trên, căn cứ quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. các bị đơn phải liên đới trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288,289, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy V, cụ thể:

1.1. Buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Thanh T1 phải liên đới trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Duy V và bà Bùi Thị Thùy D1 số tiền vay còn nợ (nợ gốc) là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) - theo "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 23/8/2022 có chữ ký, ghi họ tên "Nguyễn Thanh D", "Trần Thị Thanh T1" được công chứng tại Văn phòng C.

1.2. Buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Thanh T1 phải liên đới trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Duy V và bà Bùi Thị Thùy D1 số tiền lãi hiện còn nợ (phát sinh trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất 1,6%/tháng), tính từ ngày 23/8/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) là 739.600.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

1.3. Kể từ ngày 26/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền vay (khoản nợ gốc 1.300.000.000 đồng) cho ông Nguyễn Duy V và bà Bùi Thị Thùy D1, ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Thanh T1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

2. Về lãi suất do chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền lãi phải trả cho người được thi hành án là 739.600.000 đồng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (khoản tiền lãi nói trên) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Duy V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Duy V số tiền 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0015149 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1x, tỉnh Đ).

Ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Thanh T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 73.188.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều luật tương ứng trong Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 1x, tỉnh Đ;*
- *THADS tỉnh Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc H